

TÒA ÁN N DÂN
HUYỆN B
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST
Ngày 02-8-2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ứng Văn Cường

Các Hội thẩm N dân:

1. Ông Đinh Văn Sinh

2. Bà Nguyễn Thu Trang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Huyền Trang – Thư ký Tòa án N dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- **Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện B, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Ông Trần Hữu Hòa – Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án N dân huyện B, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXX- ST ngày 24 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST ngày 17 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Bản Tân Ban, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lò Văn G, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Bản Tân Ban, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện ngày 15/3/2024, các lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn Chị Hoàng Thị N trình bày:

Chị Hoàng Thị N và Anh Lò Văn G chung sống với nhau từ năm 1998 tại bản Tân Ban, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La. Đến khoảng tháng 8/2017 anh Lò Văn G đi chấp hành án phạt tù 02 năm về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Sau khi chấp hành án phạt tù trở về địa phương hai vợ chồng tiếp tục chung sống đến ngày 02/9/2019 mới thực hiện đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện B, tỉnh Sơn La, việc kết hôn do hai bên tự nguyện không ai ép buộc. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì chị N phát hiện anh G nghiện ma túy, chị N và gia đình đã khuyên can và động viên anh G đi cai nghiện ma túy nhưng không được. Anh G thường xuyên có hành động đe dọa, đánh đập chị

N và phá tán tài sản trong gia đình. Từ đó, quan hệ vợ chồng trở lên căng thẳng, tình cảm bắt đầu giảm sút. Từ năm 2023 đến nay, chị N đã đi đến ở với các con. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị N đề nghị Tòa án xem xét giải quyết được ly hôn với Anh Lò Văn G.

Về con chung: Chị N, anh G có 02 người con chung tên là Lò Văn B, sinh ngày 08/4/1999 và Lò Thị Bích T sinh ngày 18/11/2006, hiện nay cháu Lò Văn B đã trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không đề nghị giải quyết trong vụ án. Khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Thị Bích T cho đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh Lò Văn G phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị giải quyết trong vụ án.

* Bị đơn anh Lò Văn G trình bày: Anh G và chị Hoàng Thị N tìm hiểu nhau và chung sống với nhau từ năm 1999, anh chị về chung sống với nhau khoảng 2 năm ở huyện Phù Yên sau đó chuyển lên B chung sống. Khi lên ở huyện B tự làm nhà ở riêng để ở. Anh G và chị N chung sống với nhau có 2 con chung đến năm 2019 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã P. Trong quá trình chung sống, anh chị có một số mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do chị N không chung thủy, đến ngày 7/8/2023 chị N bỏ nhà đi. Anh G nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, vẫn thương vợ và các con các cháu nên mong muốn Tòa án giải quyết cho anh chị được quay lại đoàn tụ.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng anh G và chị N có 02 con chung là cháu Lò Văn B, sinh ngày 08/4/1999 và cháu Lò Thị Bích T, sinh ngày 18/11/2006. Hiện tại cháu Lò Văn B đã đủ tuổi trưởng thành đã lập gia đình và ra ở riêng, cháu Lò Thị Bích T sắp đủ 18 tuổi. Trường hợp hai vợ chồng ly hôn thì con ở với ai anh G cũng nhất trí vì cháu đã lớn sắp đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Anh G và chị N đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

Về vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 15/5/2024 các đương sự thống nhất về yêu cầu, phạm vi khởi kiện, không có yêu cầu phản tố, không ai cung cấp tài liệu chứng cứ, yêu cầu gì khác. Tại phiên hòa giải, chị Hoàng Thị N đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn nhưng anh Lò Văn G mong muốn được đoàn tụ, do các đương sự không thống nhất được với nhau về toàn bộ những nội dung có trong vụ án nên Tòa án lập biên bản về việc hòa giải không thành.

Vì vậy căn cứ vào khoản 1, 4 Điều 207; Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình về quan hệ hôn N, nuôi con chung sau ly hôn, đề nghị Tòa án N dân huyện B xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện B, tỉnh Sơn La tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời

điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm N dân và Thư ký Tòa án đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong việc cung cấp tài liệu chứng cứ để giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự việc Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Điều 58, các Điều 81, 82, 83 và 84, 107, 110 Luật Hôn N và gia đình, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị:

Về quan hệ hôn N: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị N

Về con chung: Giao 01 người con chung là Lò Thị Bích T, sinh ngày 18/11/2006 cho chị Hoàng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh Lò Văn G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Xét về hình thức, nội dung đơn khởi kiện của Chị Hoàng Thị N là phù hợp quy định của pháp luật. Việc khởi kiện trên thuộc trường hợp tranh chấp về Ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện B vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân huyện B theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Qua trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa Tòa án tiến hành theo đúng thủ tục tố tụng, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp. Nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn N: Hôn N giữa chị Hoàng Thị N và Anh Lò Văn G được xác lập có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, đây là quan hệ hôn N tiến bộ và hợp pháp. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên N là do chị N cho rằng anh G nghiện ma túy, phá tán tài sản trong gia đình, thường xuyên đe dọa, đánh đập chị N; anh G cho rằng chị N không chung thủy từ đó dẫn đến

vợ chồng Chị N, anh G đã sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, Chị N đề nghị Tòa án xem xét giải quyết được ly hôn Anh Lò Văn G.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của Chị N là có căn cứ bởi lẽ: Mục đích của hôn N là nhằm xây dựng một gia đình ấm no, hạnh phúc, bình đẳng, tiến bộ, bền vững. Tuy nhiên kể từ khi xảy ra mâu thuẫn Chị N và anh G đã sống ly thân mỗi người ở một nơi từ khoảng tháng 8 năm 2023 cho đến nay và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn N giữa Chị N và anh G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn N không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị N với anh Lò Văn G.

Về con chung: Hội đồng xét xử N thấy Chị Hoàng Thị N với Anh Lò Văn G có với nhau 02 người con chung tên là Lò Văn B, sinh ngày 08/4/1999 và Lò Thị Bích T sinh ngày 18/11/2006, cả hai cháu hiện đang đi làm việc và sinh sống ở tỉnh Hưng Yên cùng với chị N. Hiện nay cháu Lò Văn B đã trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không đề nghị giải quyết trong vụ án. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Thị Bích T cho đến tuổi trưởng thành, còn anh G có ý kiến cháu ở với ai anh cũng nhất trí vì cháu sắp đủ tuổi trưởng thành. Cháu Lò Thị Bích T có nguyện vọng được ở với mẹ. Nên để ổn định cuộc sống cho cháu Tiên, cũng như để cháu phát triển ổn định về thể chất, tinh thần, nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Lò Thị Bích T cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung, xét yêu cầu đó là tự nguyện cần được chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết là quyền tự định đoạt của đương sự cần chấp nhận.

[3]. *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội Chị Hoàng Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn N và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hoàng Thị N đối với anh Lò Văn G.

- Xử cho Chị Hoàng Thị N được ly hôn Anh Lò Văn G.

- Về con chung: Giao cháu Lò Thị Bích T, sinh ngày 18/11/2006 cho chị Hoàng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng

thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh Lò Văn G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự chị N đã nộp là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai số 0000626 ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Sơn La.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện;
- Tòa án Tỉnh;
- UBND xã P;
- CCTHADS;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**T.MHỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Ứng Văn Cường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Ứng Văn Cường

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện;
- Tòa án Tỉnh;
- UBND xã P;
- CCTHADS;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**T.MHỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Ứng Văn Cường

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 9 giờ 00 phút ngày 02 tháng 8 năm 2024;

Tại: Trụ sở Tòa án Nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ứng Văn Cường

Các Hội thẩm Nhân dân: Bà Nguyễn Thu Trang, ông Đinh Văn Sinh

Tiến hành nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2024/TLST-HNGĐ
ngày 22 tháng 4 năm 2024 về việc: Ly hôn giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Bản Tân Ban, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La

- Bị đơn: Anh Lò Văn G, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Bản Tân Ban, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc đình chỉ.

Biểu quyết 3/3

2. Những chứng cứ, tài liệu đã được thu thập đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định nên đều hợp pháp.

Biểu quyết 3/3

3. Điều luật áp dụng, quyết định

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn N và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hoàng Thị N đối với anh Lò Văn G.

- Xử cho Chị Hoàng Thị N được ly hôn Anh Lò Văn G.

- Về con chung: Giao cháu Lò Thị Bích T, sinh ngày 18/11/2006 cho chị Hoàng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh Lò Văn G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự chị N đã nộp là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai số 0000626 ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Sơn La.

Biểu quyết 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 15 phút, ngày 02 tháng 8 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Ứng Văn Cường